

QUAN HỆ NGƯỜI - NGƯỜI GIÁ TRỊ QUAN TRỌNG NHẤT TRONG NHÂN CÁCH

*Phạm Minh Hạc**

Hưởng ứng cuộc vận động học tập và làm theo tám gương Hồ Chí Minh, bài viết đề cập đến vấn đề giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ, đặc biệt là tầng lớp học sinh, sinh viên, trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của quan hệ người với người – cơ sở tạo nên tinh thần, tâm lý con người và cộng đồng nhân loại - trong giáo dục đạo đức, với trọng tâm là giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ.

1. Đặt vấn đề: quan hệ người – người - cơ sở tạo nên tinh thần, tâm lý con người và cộng đồng loài người

Để hiểu được vai trò, vị trí thiết yếu của đạo đức dựa trên cơ sở quan hệ người – người trong đời sống của con người và cộng đồng xã hội, cần điếm qua sự xuất hiện quan hệ người – người gắn bó với sự xuất hiện của con người (Phạm Minh Hạc, 2006)¹ và loài người như thế nào. Theo một số nhà nhân chủng học, nhánh người trên cây sinh vật bắt đầu hình thành rõ nét từ cách đây khoảng 10 triệu năm, trải qua 3 thời kỳ: người khéo, người thẳng, người khôn. Người khôn là người hiện đại, người lý trí (tiếng Latinh: Homo Sapien, quan niệm này xuất hiện vào những năm 60 thế kỷ XX) xuất hiện từ khoảng 10 vạn năm trước đây với tiêu chí trí tuệ là tiêu chí đặc trưng, gắn liền với ngôn ngữ và lao động - bắt đầu từ chế tạo công cụ lao động (Edgar Morin, Anne Brigitte Kern, 2002)². Ở Việt Nam, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy di cốt người và các di cốt hóa thạch ở các văn hóa hậu

kỳ đồ đá ở Ninh Bình, Lạng sơn, Nghệ An, vừa có yếu tố Người thẳng, vừa có yếu tố Người khôn, được dự đoán niên đại 8 vạn năm trước đây. Mãi đến văn hóa Hòa Bình cách đây 1 vạn 8 nghìn – 1 vạn 2 nghìn năm, người tiền sử Việt Nam mới biết đến kỹ thuật mài công cụ đá, rồi muộn hơn, chừng một vạn năm nữa, biết cả săn bắt, hái lượm (Nguyễn Khắc Sửu, 2004)³, cuộc sống bầy đàn đã được phát triển cao, dần dần mang tính xã hội bắt đầu từ phân công lao động (như trong một cuộc săn bắt thú, nhóm người này tấn công phía này, nhóm khác đuổi phía kia, người đuổi, người bắt... - trong các tài liệu tâm lý học, sự kiện này đã được A.N.Leônchiép (1903-1979, Nga) mô tả trong tác phẩm “Phát triển tâm lý”, 1947). Phân công lao động là cơ sở hình thành rõ nét quan hệ giữa các thành viên bầy đàn: người này biết người khác làm gì, mình làm gì, “biết mình, biết người” bắt đầu từ đây, hình thành nên quan hệ của bầy đàn, rồi của từng thành viên đối với nhóm người, rồi từng người, rồi có các quan hệ trong bầy đàn, giữa các nhóm người, rồi giữa người với người (ghét bỏ

* GS.TSKH. Chủ tịch Hội Tâm lý - Giáo dục Việt Nam

người yếu đuối, bảo vệ người khỏe mạnh, trọng đãi người tài giỏi...), tạo nên bản sắc của con người – cái mà chỉ có ở con người – ta gọi là tính người; tính người gắn quyền và biểu hiện trước hết ở tình người; tính người, tình người là các giá trị gốc của con người - hạt nhân tạo nên các quan hệ người – người (Phạm Minh Hạc, 2004)⁴. Cùng với quá trình này, loài người như là một phạm trù trên “cây sinh vật” khác hẳn loài vật, cộng đồng xã hội dần dần được hình thành, con người vừa đứng trên “cây” đó với tư cách là “đại diện của loài” vừa bứt khỏi “cây” đó, để trở thành “thành viên của xã hội” có giao tiếp ngôn ngữ và các hình thức giao tiếp khác, đặc biệt, với tư cách là “chủ thể của hoạt động” lao động, học tập, vui chơi... Tính người, tình người nói riêng, các quan hệ người – người nói chung là những giá trị đạo đức bản sắc của con người, cũng có thể coi đó là cơ sở tạo nên đạo đức của con người, từng cộng đồng xã hội và của cả loài người. Vì vậy, nói đến đạo đức là nói đến tính người, tình người, các quan hệ người – người, văn hóa, tinh thần, tâm lý con người. Loài người, cộng đồng người, cả xã hội bắt đầu từ đây. Muốn xây dựng và phát triển con người và xã hội, không thể thiếu các yếu tố vừa nêu, trong đó phải đặc biệt chú ý đến đạo đức và giáo dục truyền đạt cho thế hệ nối tiếp thế hệ linh hội và phát huy các giá trị tinh thần, đạo đức, văn hóa có cội nguồn từ quan hệ người – người. Lịch sử đạo đức học đã nói lên kết luận đó.

2. Một thoáng từ các lý thuyết đạo đức học

Trải qua hàng chục nghìn năm loài người mới xây đắp được nền văn minh. Từ đó, nhất là từ thế kỷ thứ VI – thứ V

trước CN, trí tuệ và lương tâm thời Cổ đại đã luôn luôn quan tâm đến đạo đức học và giáo dục đạo đức. Ở phương Đông trong thế kỷ thứ VI tCN đã có các dòng phái tư tưởng khá hoàn chỉnh, như Đạo giáo do Lão Tử (? , Trung Quốc) sáng lập, Nho giáo do Khổng Tử (551-479 tCN, Trung Quốc) sáng lập, Phật giáo do Tất Đạt Đa-Thích Ca Mâu Ni (giữa thế kỷ thứ VI tCN, Ấn Độ) sáng lập. Cả ba hệ thống triết học này du nhập vào nước ta, đều được chấp nhận, gọi là “tam giáo đồng nguyên”, thịnh hành với các mức độ khác nhau ở các thời kỳ khác nhau, trong đó phổ biến sâu rộng hơn cả là Nho giáo⁵. Trong bài “Khổng Tử” đăng báo Thanh niên ngày 20-2-1927 Nguyễn Ái Quốc viết: “...người An Nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử...”(Hồ Chí Minh, 1995)⁶. Đạo Khổng hết sức trọng đạo đức, lấy “nhân” làm đầu: trong đạo đức coi trọng bậc nhất là thái độ - quan hệ tốt đẹp giữa mọi người với nhau, từ giữa những người ruột thịt gọi là “hiếu, đễ” đến với những người xung quanh, với dân, với nước gọi là “trung”, “thử”, các quy tắc ứng xử gọi là “lễ”. Ở ta gần đây nhiều nơi, nhiều người rất tâm đắc châm ngôn “tiên học lễ, hậu học văn”. Chạy dài theo thời gian suốt mấy chục thế kỷ, triết lý ấy ngày càng thấm đượm vào cuộc sống, khắp thế gian “...đều lấy “nhân” làm trung tâm, thấy kẻ không làm điều thiện, thì dùng trung tín để giáo dục, gặp kẻ hung bạo hoành hành, lấy nhân nghĩa cảm hóa họ” (Khúc Xuân Lễ, 1996)⁷. “Nhân” tựa như tự trong bản thân mỗi người xuất phát ra, truyền sang người khác, còn “lễ” là theo các quy tắc từ ngoài vào mà ứng xử – đây chính là

những vấn đề tâm lý học đạo đức. Điều cần khẳng định ở đây là từ xa xưa Nho giáo đã đặt quan hệ người - người ở vị trí hàng đầu trong đạo đức. Trong vài thập kỷ gần đây các nhà khoa học, cả các nhà chính trị rất quan tâm đến các “giá trị châu Á”, trong đó có các giá trị Nho giáo, Đạo giáo; triết lý nổi tiếng “Sở kỳ bất dục, vật thi ư nhân” từ Khổng Tử ngày nay được phổ biến rộng rãi ở các nước Âu - Mỹ.

Ở châu Âu, hơn một thế kỷ sau, Polatông (Plato, 427-347 tCN, Hylạp) đã nêu lên 9 phẩm chất đạo đức xã hội mà con người cần có: thông thái, can đảm, chùng mực, công bằng, nhẫn nại, khoan dung, tự tôn, tính thiện và chân thành; đặc biệt coi trọng 4 phẩm chất đầu, coi đó là các phẩm chất cơ bản. Khác với tư tưởng Đông phương, nhà triết học Cổ Hy Lạp đặt sức coi trọng phẩm chất trí tuệ. Các phẩm chất ấy, trong một chừng mực nào đó, cũng có liên quan với các quan hệ người - người; trong phạm vi của bài này tôi muốn nhấn mạnh: bốn phẩm chất cuối cùng trực tiếp nói về thái độ - quan hệ đối với người khác. Người ta gọi thuyết đạo đức của Polatông là “thuyết phẩm chất” đạo đức, giáo dục đạo đức là hình thành các phẩm chất, chú trọng phẩm chất thái độ - quan hệ người - người. Mấy thập kỷ sau, Aristôt (Aristotle, 384-322 tCN, Hylạp) đặc biệt chú ý đến đạo đức học, ông có một tác phẩm lớn gồm 10 tập gọi là “Đạo đức” (chữ Latinh - Nicomachean) nghiên cứu khái quát chung về thiện và ác (đạo đức có mục đích, tập trung vào tính cách, con người có khả năng hướng thiện, nhằm sống tốt đẹp...); tiếp theo, đưa ra 12 phẩm chất luân lý - dũng cảm, chùng mực, phóng khoáng, cởi mở, hào hiệp, có lòng mong ước, chân thành, hóm hỉnh,

khiêm tốn, công bằng, hài lòng, hữu nghị. Đạo đức học Aristôt đề cập đến cả phẩm chất trí tuệ, nhưng đã chú ý nhiều đến các quan hệ người - người hướng thiện, gắn với quan điểm đặt phẩm chất “nhân” vào trong quan hệ của từng người đối với xung quanh, nhất là quan hệ người - người, coi đó là xuất phát điểm của đạo đức. Người ta cũng gọi thuyết này là “thuyết phẩm chất” đạo đức. Sau này, trong lịch sử đạo đức học có một tác giả nổi bật là Căng (I. Kant, 1724-1804, Đức), tác giả hai tác phẩm lớn về đạo đức học: Công trình cơ sở về siêu hình học của luân lý (1785), Siêu hình học về luân lý (1797). Khác với hai nhà triết học Cổ điển Hylạp, ông xây dựng nên “thuyết trách nhiệm” đạo đức - từ trách nhiệm, như trách nhiệm xã hội, mà giáo dục (trong nghĩa rộng của từ này) nên đạo đức, với quan niệm đạo đức là “phạm trù mệnh lệnh” mà con người có nhiệm vụ phải làm, tức là đạo đức xuất phát từ yêu cầu bên ngoài, động cơ của hành động đạo đức phải là từ luật đạo đức, giá trị của đạo đức trước hết là ở chỗ đó; từ đây đạo đức của ông được gọi là thuyết “trách nhiệm đạo đức”. Căng nêu rõ quan hệ giữa đạo đức và lý trí: quy định (luật) đạo đức là bản thân lý trí, quan hệ giữa đạo đức và luật pháp. Ông đã nêu một kết luận cực kỳ quan trọng cho cả triết học, đạo đức học, đặc biệt cho nghiên cứu con người: con người là mục đích cuối cùng (tiếng Anh: end), còn các hành động đạo đức chỉ là phương tiện⁸. Theo tư tưởng giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, tiếp thụ tinh hoa văn hóa nhân loại, bước vào kỷ nguyên độc lập, thống nhất, hòa bình, phát triển, mở cửa, hội nhập, Việt Nam có đạo đức học Hồ Chí Minh.

3. Đạo đức Hồ Chí Minh

Chúng ta sinh ra, lớn lên trong thời đại Hồ Chí Minh, từ tấm bé đã thuộc lòng “5 điều Bác Hồ dạy”, tư tưởng và đạo đức của Người đã ăn sâu vào đời sống, biểu hiện trong ứng xử hàng ngày, anh em nghiên cứu, giảng dạy tâm lý – giáo dục học đã vận dụng vào các công trình, bài giảng. Vì vậy, ở đây tôi xin được ôn lại tóm lược qua một vài trước tác Bác viết trực tiếp về chủ đề đạo đức, để hoàn chỉnh bài viết này, và cũng là để một lần nữa thấm nhuần sâu sắc thêm, từ đó tích cực quán triệt vào các hoạt động của chúng ta. Khi chuẩn bị thành lập các tổ chức cách mạng, để giải phóng dân tộc, từ rất sớm, hầu như từ đầu, Nguyễn Ái Quốc đã đặc biệt chú ý yếu tố tinh thần-tâm lý bắt nguồn từ chỗ đồng bào có yêu thương nhau – quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, có yêu Tổ quốc mà đoàn kết nhau lại, phải thay đổi tâm tính vì một lý tưởng chung, mới đưa cách mạng tới thành công, ngày 23-8-1925 Bác viết bài thơ “Hãy yêu thương nhau và cùng nhau đoàn kết”:

Hãy yêu thương nhau và cùng nhau đoàn kết

Nghĩa vụ một người dân là phải yêu Tổ quốc

Mau cải thiện tâm, tài, lực cho dân...

Bác đặt chữ “tâm” lên đầu, trước hết là có tâm – có tấm lòng quý báu, có ý muốn (động cơ) làm việc tốt cho người khác (lòng vị tha) mà trong tình cảnh nước mất nhà tan cần có lòng yêu nước, thương dân, đem cái “tài” và “lực” ra phụng sự nhân dân. Tư tưởng này sau khái quát lên thành một lý thuyết về cấu trúc nhân cách bao gồm “tài và đức, trong đó lấy đức làm gốc”. Và hai năm sau, năm 1927, mở đầu

tác phẩm nổi tiếng “Đường Kách mệnh”, tuyên ngôn đạo đức học Hồ Chí Minh được đưa ra dưới đầu đề “Tư cách người cách mệnh”, bao gồm 23 thái độ đối với mình, với người và với công việc, coi như một điều kiện quan trọng vào bậc nhất của người cán bộ cách mạng – một trong những yếu tố quyết định thành công của cách mạng:

Tự mình phải (gồm 14 thái độ)

Cẩn kiệm.

Hòa mà không tư.

Cả quyết sửa lỗi mình.

Cẩn thận mà không nhút nhát.

Hay hỏi.

Nhẫn nại (chịu khó).

Hay nghiên cứu, xem xét.

Vị công vong tư.

Không hiếu danh, không kiêu ngạo.

Nói thì phải làm.

Giữ chủ nghĩa cho vững.

Hy sinh.

Ít lòng tham muốn về vật chất.

Bí mật.

Đối người phải (có 5 thái độ)

Với từng người thì khoan thứ.

Với đoàn thể thì nghiêm.

Có lòng bày vẽ cho người.

Trúc mà không táo bạo.

Hãy xem xét người.

Làm việc phải (có 4 thái độ)

Xem xét hoàn cảnh kỹ càng.

Quyết đoán.

Dũng cảm.

Phục tùng đoàn thể.⁶

Chúng ta thấy có đến 14 yêu cầu đối với bản thân, chỉ có 5 yêu cầu đối với người khác, và 4 yêu cầu đối với công việc. Điều đó có nghĩa là thái độ của từng người - có quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người – giữ vai trò quan trọng

nhất để có đạo đức. Từ 23 điều dạy này nhiều tác giả đã viết nhiều trang giải thích; riêng tôi, tôi đã có dịp (Phạm Minh Hạc, 1998)⁹ vận dụng vào định nghĩa nhân cách là hệ thống thái độ, trong đó có các thái độ đối với các giá trị gọi là “thái độ giá trị” thông qua các phán đoán về các giá trị, và coi đó là các giá trị cơ bản trong hệ giá trị của từng người, cũng như của cả cộng đồng xã hội. Tôi cũng chú ý nghiên cứu các thái độ giá trị Bác đề lên đầu từng nhóm: muốn là con người có đạo đức – con người chân chính trước hết phải có đức tính cần cù – chăm chỉ, tự mình phải luôn luôn soi xét mình bắt đầu từ đây; rồi đối với người phải “khoan thứ” – khoan dung, rộng lượng, tha thứ, tất nhiên trên một chuẩn mực đạo đức nhất định, vì một sự nghiệp chung từ gia đình đến cộng đồng, quốc gia - dân tộc; và trong công việc phải “xem xét... kỹ càng”, tức là phải có một cách tiếp cận khoa học, cẩn thận, thường gọi là “thông thái” hay “duy lý”, đây là yêu cầu đầu tiên của tác phong công nghiệp. Đó là những giá trị cốt cách của con người. Những tư tưởng này, 20 năm sau được Hồ Chủ tịch tiếp tục phát triển trong một tác phẩm nổi tiếng khác – “Sửa đổi lối làm việc” (10-1947), xác định cụ thể đạo đức cách mạng gồm 5 tính tốt: nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm. Đây là 5 giá trị rất quan trọng trong các giá trị nhân cách cần giáo dục cho học sinh, sinh viên, nhất là với những cán bộ các cấp. Bác đã nói rõ nội dung từng đức tính – “nhân” là thương yêu, giúp đỡ đồng bào, đồng chí, lấy “nhân” làm đầu trong đạo đức: hết sức coi trọng quan hệ người-người; “nghĩa” là ngay thẳng, cẩn thận, đúng đắn; “trí” là đầu óc trong sạch, sáng suốt (một định nghĩa rất độc đáo về trí tuệ, thông minh);

“dũng” là không rụt rè, nhút nhát, dũng cảm; “liêm” là không tham địa vị, tiền tài, chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ (bây giờ ít nói đến cái “ham” này !) (Hồ Chí Minh, 1995)⁶. 5 tính tốt này là các tiêu cấu trúc của nhân cách mà chúng ta cần giáo dục cho học sinh, sinh viên ngày nay. Hai năm sau, trong hai tháng 5 và 6 năm 1949, Chủ tịch viết 4 bài báo “Thế nào là cần”, “Thế nào là kiệm”, “Thế nào là liêm”, “Thế nào là chính”, gộp lại in thành cuốn sách “Cần kiệm liêm chính” xuất bản tháng 6-1949, khẳng định 4 đức tính này, như Bác viết, là nền tảng của Đời sống mới, nền tảng của Thi đua ái quốc (kỷ niệm 60 năm ngày Hồ Chủ tịch ra Lời kêu gọi Thi đua ái quốc cần ôn lại nội dung này), tự nhiên như bốn mùa trong năm, bốn phương trong trời đất, “thiếu một đức, không thành người” – *cốt lõi của đạo đức cách mạng*. Làm theo đạo đức Hồ Chí Minh trước hết là làm theo bốn đức tính này. Làm như vậy, thì chắc chắn diệt được quốc nạn tham nhũng, chắc chắn không còn thảm cảnh mua quan bán chức, mua bằng bán điểm, thế nào cũng loại trừ loài sâu mọt “một người làm nên cả họ được nhờ” (Thư Bác gửi các đồng chí Trung bộ, 1947). Mọi người chúng ta, nhất là các nhà giáo có nhiệm vụ tăng cường nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, đạo đức của Người nói riêng, vận dụng vào các bài giảng, phổ biến rộng rãi trong nhân dân, nhất là trong học sinh, sinh viên. Bây giờ chúng ta xem tình hình thực tế đạo đức của học sinh, sinh viên hiện nay như thế nào.

4. Vài nét tình hình đạo đức học sinh, sinh viên và nhiệm vụ của chúng ta

Bên cạnh những tiến bộ, mặt mạnh, ưu điểm mà học sinh, sinh viên ngày nay đã

đạt được, nói riêng về đạo đức, tình hình cũng khá phức tạp, nhiều điều không xa lạ gì với các nhà tâm lý, giáo dục chúng ta. Ở đây tôi chỉ điếm qua một số thông tin qua báo chí. Tạp chí Báo cáo viên Ban Tuyên giáo Trung ương (số 5-2008) có nhận xét khái quát: "Một bộ phận không nhỏ học sinh, sinh viên còn có thái độ và động cơ học tập yếu, thiếu trung thực trong học tập, gian lận trong thi cử. Một bộ phận nhỏ học sinh chỉ đòi quyền hưởng thụ, không nghĩ đến nghĩa vụ và trách nhiệm công hiến, chưa tích cực học tập và rèn luyện, ý thức chuẩn bị cho ngày mai lập nghiệp chưa cao. Một số ít học sinh, sinh viên thiếu hiểu biết về pháp luật, kể cả những vấn đề trực tiếp liên quan đến đời sống và học tập của mình, chạy theo lối sống thực dụng, đua đòi ăn diện xa hoa quá với mức sống cho phép. Trong mối quan hệ tình bạn, tình yêu, có xu hướng thực dụng, phóng túng, thiếu trách nhiệm với nhau, xa lạ với đạo đức của người Việt Nam. Tệ nạn xã hội, nhất là ma túy có xu hướng tăng..."¹⁰. Nhiều người tỏ ra lo lắng thấy tình trạng "học trung học phổ thông thì căng quá, lên đại học thì lại quá nhõm nhõm", nhiều sinh viên không chăm học, ít em ham học; và như mấy dòng cuối đoạn trích dẫn cho hay, trong quan hệ giữa các em với nhau, giữa trò với thầy, giữa các em với xã hội (theo Điều tra giá trị theo phương pháp nghiên cứu nhân cách NEO-PI-R, ở Việt Nam có tới 1/3 thanh niên học sinh, sinh viên không tham gia hoạt động xã hội), và cả trong một số gia đình nữa, nổi lên một số vấn đề, trong đó đáng lưu ý nhất là các quan hệ người - người, rất gay gắt, nổi cộm, lộn xộn, gây nhiều xung đột, bạo lực xấu xa, thậm tệ.

Nguyên nhân của tình hình trên có

nhiều, chẳng hạn nhìn khái quát, tình hình kinh tế chung trong cả nước có thể là một nguyên nhân bao trùm: có đến khoảng 20% dân cư đang sống dưới ngưỡng "tồn tại", có tới 60% dân cư đang ở xung quanh ngưỡng "sống còn". Với mức sống như vậy có thể xảy ra hai hướng: một là, chuyển biến theo hướng tiêu cực; hai là, theo hướng tích cực. Nhưng ở đây tôi muốn nhấn mạnh: yếu tố quyết định là giáo dục, tự giáo dục - phần đầu của cá nhân, nhất là với học sinh các lớp cuối phổ thông và sinh viên (nhiều em lơ là chuyện này, đi học chỉ cốt lấy một nghề kiếm sống...), kết hợp với giáo dục đạo đức trong nhà trường (xã hội đang yêu cầu xem xét lại chương trình, sách giáo khoa, phương pháp... giáo dục đạo đức...), trong gia đình (nhiều gia đình bận làm ăn, không có hoặc rất ít thì giờ dạy dỗ con cái...), rồi môi trường nữa, từ gia đình, đến nhà trường, cộng đồng xã hội (nhiều nơi công cộng ít ai lo đến môi trường xã hội, nhiều lúc xảy ra những cảnh tượng thật chướng tai gai mắt, thậm chí đau lòng mà chẳng ai giám can thiệp...). Các nhà tâm lý học, giáo dục học với chuyên môn và công tác (giảng dạy, tư vấn, công tác xã hội) của mình trước hết cần tham gia vào tổ chức lại việc giáo dục đạo đức trong nhà trường, nhất là trong các trường sư phạm, rồi có thể đóng góp tích cực tác động xây dựng môi trường xã hội, tăng cường nghiên cứu và phổ biến những vấn đề tâm lý học, giáo dục học về gia đình, tác động vào thế giới tinh thần - tâm lý - đạo đức - luân lý, phát triển nhân cách của các em. Ngày nay cách mạng khoa học - công nghệ tiến bộ với tốc độ chưa từng có, tất cả các nước đều rất chú ý giảng dạy, đào tạo kỹ thuật, công nghệ, đồng thời

cũng đặc biệt chú ý giáo dục nhân văn trên nền giáo dục quan hệ người - người tốt đẹp với hạt nhân là tính người, tình người, chất lượng giáo dục gắn liền với nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển bền vững con người, giúp các em tự tạo cho mình một hệ giá trị, đánh giá đúng bản thân và phát huy hệ giá trị đó vào cuộc đời với tinh thần trách nhiệm xã hội cao, quý trọng người khác và cả cộng đồng, đối xử với mọi người với tấm lòng rộng mở, hữu hảo, chia sẻ - hợp tác - giúp đỡ, thương người như thể thương thân. Năm 1995 UNESCO lấy làm Năm Khoan dung, đúng như tinh thần của tư tưởng Cổ đại phương Đông, và từ năm 1927, trong trước tác cũng như chính suốt cuộc đời của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lấy “Khoan thứ” làm thái độ giá trị đầu tiên trong hệ giá trị nhân cách. Các nhà tâm lý, giáo dục chúng ta hãy tiếp tục tích cực học tập, nghiên cứu, giảng dạy, phổ biến rộng rãi giáo dục giá trị Hồ Chí Minh, tạo nên sức mạnh giá trị tâm lực cùng với trí lực, thể lực của học sinh, sinh viên – chúng ta sẽ có đóng góp lớn vào sự nghiệp xây dựng một xã hội tốt đẹp, thanh bình, thịnh vượng.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Hạc. *Tâm lý học nghiên cứu con người đi vào CNH, HĐH*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 75-76.
2. Edgar Morin, Anne Brigitte Kern.

Trái đất tổ quốc chung. Tuyên ngôn cho thiên niên kỷ mới. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr.128.

3. Nguyễn Khắc Sừ. *Khảo cổ học thời đại đá Việt Nam: một trăm năm-nửa triệu năm*. Trong sách *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam, tập I*. Nxb.KHXX, Hà Nội, 2004, tr.30-31.

4. Phạm Minh Hạc. *Xây dựng tinh người, tình người trong xã hội văn minh*. Báo Giáo dục & Thời đại, số 112, 16-9-2004.

5. Đào Duy Anh. *Việt Nam văn hóa sử cương (1938)*. Nxb. Văn hóa thông tin VHTT), Hà Nội, 2002, tr. 280-299;

Nguyễn Văn Huyền. *Văn minh Việt Nam (1939, xuất bản lần đầu 1944)*. Trích theo sách Nguyễn Văn Huyền Toàn tập, t.I. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr.291.

6. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, t.2, t.5.

7. Khúc Xuân Lễ. *Không Từ truyện*, t.1. Nxb. VHTT., Hà Nội, 1996, tr.151.

8. Google. *Từ điển bách khoa Wikipedia, Stanford, Britanica...* Mục từ Đạo đức.

9. Phạm Minh Hạc. *Tư tưởng Hồ Chí Minh và tâm lý học nhân cách*. Trong sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh và tâm lý học*. Đỗ Long chủ biên. Nxb.CTQG, Hà Nội, 1998.

Văn phòng Trung ương. *Khái quát tình hình một số đối tượng thanh niên hiện nay*. T/c Báo cáo viên, Ban Tuyên giáo TƯ. Số 5-2008, tr.26.